

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO HÀ NỘI
TRƯỜNG THPT NGUYỄN QUỐC TRINH

ĐỀ KIỂM TRA CHÍNH THỨC
(Đề thi có 04 trang)

ĐỀ KIỂM TRA CUỐI KÌ II
NĂM HỌC 2023 - 2024

Môn kiểm tra: SINH HỌC 12

Ngày kiểm tra: .../.../2024

Thời gian làm bài: 50 phút, không kể thời gian phát đề

Họ, tên học sinh:
Số báo danh:

Mã đề: 121

Câu 81.

Một lưới thức ăn gồm các loài sinh vật được mô tả ở hình bên. Cho biết loài A và loài B là sinh vật sản xuất, các loài còn lại là sinh vật tiêu thụ. Theo lí thuyết, có bao nhiêu phát biểu sau đây đúng về lưới thức ăn này?

- I. Các loài C, G, F, D thuộc cùng một bậc dinh dưỡng.
- II. Nếu loài E bị loại bỏ hoàn toàn khỏi quần xã thì số lượng cá thể của loài F chắc chắn tăng lên.
- III. Lưới thức ăn này có 7 chuỗi thức ăn.
- IV. Số chuỗi thức ăn mà loài M tham gia bằng số chuỗi thức ăn mà loài B tham gia.

A. 4.

B. 2.

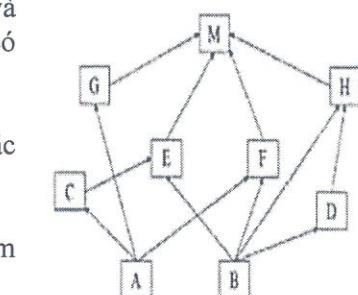
C. 3.

D. 1.

Câu 82.

Hình sau biểu diễn sự tăng trưởng của 2 quần thể động vật A và B. Phân tích đồ thị này, phát biểu nào sau đây đúng?

- A. Quần thể A tăng trưởng trong điều kiện môi trường không bị giới hạn.
- B. Quần thể A luôn có mức sinh sản lớn hơn quần thể B.
- C. Quần thể B tăng trưởng theo tiềm năng sinh học.
- D. Quần thể B luôn có kích thước lớn hơn quần thể A.



Câu 83. Điều nào sau đây không phải là nguyên nhân dẫn đến diễn thế sinh thái?

- A. Do hoạt động khai thác tài nguyên của con người.
- B. Do thay đổi các điều kiện tự nhiên khí hậu.
- C. Do cạnh tranh và hợp tác giữa các loài trong quần xã.
- D. Do cạnh tranh gay gắt giữa các loài trong quần xã.

Câu 84. Số lượng cá thể của một loài có thể tăng hoặc giảm do sự thay đổi của các nhân tố vô sinh và hữu sinh của môi trường được gọi là hiện tượng gì?

- A. Kích thước của quần thể.
- B. Phân bố cá thể.
- C. Biến động số lượng cá thể.
- D. Tăng trưởng của quần thể.

Câu 85. Diễn thế nguyên sinh có các đặc điểm:

- 1 - Bắt đầu từ một môi trường chưa có sinh vật.
- 3 - Quá trình diễn thế gắn liền với sự phá hại môi trường.
- Phương án đúng là:

A. (2), (3) và (4). B. (1), (2) và (4).

- 2 - Được biến đổi tuần tự qua các quần xã trung gian.
- 4 - Kết quả cuối cùng sẽ tạo ra quần xã định cực.

C. (1), (2), (3) và (4). D. (1), (3) và (4).

Câu 86. Hệ sinh thái có chuỗi thức ăn ngắn nhất là

- A. hệ sinh thái đồng ruộng.
- B. hồ cá tự nhiên.
- C. rừng nhiệt đới.
- D. rừng ôn đới.

Câu 87. Giả sử trong rừng số lượng các loài chim phụ thuộc vào sự phân tầng của thực vật. Khu hệ sinh vật nào sau đây có số lượng loài chim nhiều nhất?

- A. Đồng cỏ ôn đới.
- B. Rừng mưa nhiệt đới.
- C. Rừng rụng lá ôn đới.
- D. Savan.

Câu 88. Loài ưu thế là loài có vai trò quan trọng trong quần xã do

- A. sức sống mạnh, sinh khối lớn, hoạt động mạnh.
- B. có khả năng tiêu diệt các loài khác.
- C. số lượng cá thể nhiều, sinh khối lớn, hoạt động mạnh.
- D. số lượng cá thể nhiều.

Câu 89. Nguyên nhân của hiện tượng biến động số lượng cá thể của quần thể theo chu kỳ là

- A. do mỗi năm đều có 1 loại dịch bệnh tấn công quần thể.
- B. do những thay đổi có tính chu kỳ của điều kiện môi trường.
- C. do các hiện tượng thiên tai xảy ra bằng nhau.
- D. do những thay đổi có tính chu kỳ của dịch bệnh hàng năm.

Câu 90. Quan hệ giữa các loài sinh vật trong một vườn cam được mô tả như sau: “ Kiến đẻ đuỗi được kiến hôi – loài chuyên đưa những con rệp cây lên chồi non, nhò vây rệp láy được nhiều nhựa cây cam và thả ra nhiều đường cho kiến hôi ăn. Đồng thời kiến đẻ cũng tiêu diệt được sâu và rệp cây”. Mối quan hệ giữa rệp cây và cây cam; giữa kiến đẻ và kiến hôi; giữa kiến đẻ và rệp cây đều thuộc quan hệ

- A. kí sinh.
- B. hợp tác.
- C. hội sinh.
- D. đối kháng.

Câu 91. Sau chiến tranh chống Mỹ, khu vực rừng ngập mặn Cần Giờ (thành phố Hồ Chí Minh) bị tàn phá nghiêm trọng. Ngày nay, khu vườn ngập mặn Cần Giờ đã được khôi phục lại và được công nhận là Khu dự trữ Sinh quyển thế giới của Việt Nam. Đây là biểu hiện của hiện tượng

- A. diễn thế thứ sinh.
- B. diễn thế khôi phục.
- C. diễn thế nguyên sinh.
- D. diễn thế nguyên sinh hoặc diễn thế khôi phục.

Câu 92. Xét chuỗi thức ăn: Cây thông → Xén tóc → Chim gõ kiến → Trăn. Trong chuỗi thức ăn này, Sinh vật thuộc bậc dinh dưỡng cấp 2 là

- A. trăn.
- B. cây thông.
- C. chim gõ kiến.
- D. xén tóc.

Câu 93. Dạng biến động số lượng cá thể nào sau đây thuộc dạng không theo chu kỳ?

- A. Nhiệt độ tăng đột ngột làm sâu bọ trên đồng cỏ chết hàng loạt.
- B. Trung bình khoảng 7 năm cá com ở vùng biển Peru chết hàng loạt.
- C. Muỗi xuất hiện nhiều vào mùa mưa, giảm vào mùa khô.
- D. Số lượng tảo trên mặt nước Hồ Gurom tăng cao vào ban ngày, giảm vào ban đêm.

Câu 94. Mức độ phong phú về số lượng loài trong quần xã hiện ở

- A. độ đa dạng.
- B. độ thường gặp.
- C. độ nhiều.
- D. sự phổ biến.

Câu 95. Các đặc trưng cơ bản của quần xã là

- A. thành phần loài, sự phân bố các cá thể trong quần xã.
- B. thành phần loài, sức sinh sản và sự tử vong.
- C. độ phong phú, sự phân bố các cá thể trong quần xã.
- D. thành phần loài, tỉ lệ nhóm tuổi, mật độ.

Câu 96. Trong cùng một thủy vực, người ta thường nuôi ghép các loài cá mè trắng, mè hoa, trắm cỏ, trắm đen, rô phi, cá chép để

- A. thu được nhiều sản phẩm có giá trị khác nhau.
- B. tận dụng tối đa nguồn thức ăn có trong ao.
- C. tăng tính đa dạng sinh học trong ao.
- D. thỏa mãn nhu cầu, thị hiếu khác nhau của con người.

Câu 97. Số lượng cá thể lớn nhất mà quần thể có thể đạt được phù hợp với khả năng cung cấp nguồn sống của môi trường được gọi là

- A. kích thước tối đa.
- B. kích thước tối thiểu.
- C. mật độ cá thể.
- D. kích thước trung bình.

Câu 98. Hệ sinh thái

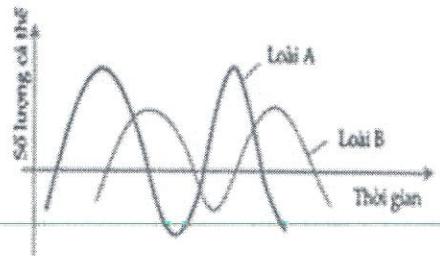
- A. bao gồm quần xã sinh vật và môi trường hữu sinh của quần xã.
- B. bao gồm quần thể sinh vật và môi trường hữu sinh của quần xã.
- C. bao gồm quần xã sinh vật và môi trường vô sinh của quần xã.
- D. bao gồm quần thể sinh vật và môi trường vô sinh của quần xã.

Câu 99. Trong diễn thế sinh thái, vai trò quan trọng hàng đầu thường thuộc về nhóm

- A. sinh vật sản xuất.
- B. sinh vật phân hủy.
- C. sinh vật tiên phong.
- D. sinh vật ưu thế.

Câu 100. Hình bên mô tả sự biến động số lượng cá thể của hai loài A và B. Có bao nhiêu phát biểu sau đây đúng khi nói về hai loài A và B.

- I. Trong mối quan hệ giữa hai loài, loài A được lợi còn loài B bị hại.
 II. Sự biến động số lượng cá thể của loài A dẫn đến sự biến động số lượng cá thể của loài B và ngược lại.
 III. Kích thước cơ thể của loài B có thể lớn hơn kích thước cơ thể của loài A.
 IV. Mối quan hệ giữa hai loài được xem là một trong những động lực của quá trình tiến hóa.



A. 1.

B. 4.

C. 2.

D. 3.

Câu 101. Có bao nhiêu phát biểu sau đây đúng về sự phân tầng trong quần xã?

- I. Trong hệ sinh thái rừng mưa nhiệt đới, sự phân tầng của thực vật kéo theo sự phân tầng của động vật.
 II. Trong các hệ sinh thái dưới nước, sự phân bố không đồng đều của ánh sáng kéo theo sự phân bố không đồng đều của sinh vật sản xuất.
 III. Nguyên nhân của sự phân tầng là do sự phân bố không đồng đều của các nhân tố ngoại cảnh.
 IV. Sự phân tầng làm tăng khả năng sử dụng nguồn sống và làm tăng mức độ cạnh tranh giữa các loài trong quần xã.

A. 3.

B. 2.

C. 4.

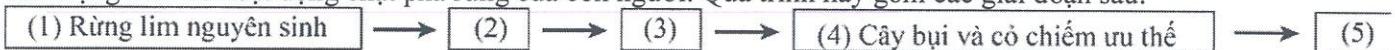
D. 1.

Câu 102. Hiện tượng số lượng cá thể của quần thể này bị số lượng cá thể của quần thể khác loài kìm hãm là hiện tượng
 A. đấu tranh sinh tồn.
 B. khống chế sinh học.
 C. cạnh tranh cùng loài.
 D. cạnh tranh giữa các loài.

Câu 103. Quần xã sinh vật tương đối ổn định được hình thành sau diễn thế gọi là

- A. quần xã trung gian.
 B. quần xã thứ sinh.
 C. quần xã khởi đầu.
 D. quần xã đỉnh cực.

Câu 104. Sơ đồ sau mô tả quá trình diễn thế thứ sinh dẫn đến quần xã bị suy thoái đã xảy ra ở rừng lim Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn do hoạt động chặt phá rừng của con người. Quá trình này gồm các giai đoạn sau:



Trong đó, mỗi kí hiệu (2), (3), (5) ứng với một trong các giai đoạn sau: (a) Trảng cỏ; (b) Rừng thưa cây gỗ nhỏ ưa sáng; (c) Cây gỗ nhỏ và cây bụi. Có bao nhiêu phát biểu sau đây về quá trình diễn thế này là đúng?

- I. Kí hiệu (2) tương ứng với giai đoạn (c), kí hiệu (3) tương ứng với giai đoạn (b).
 II. Lưới thức ăn của quần xã ở giai đoạn (3) phức tạp hơn so với giai đoạn (1).
 III. Quá trình diễn thế này phản ánh sự khai thác tài nguyên quá mức của con người.
 IV. Nếu ở giai đoạn (5), rừng được trồng lại và bảo vệ thì độ đa dạng của quần xã này có thể tăng dần.

A. 4.

B. 1.

C. 3.

D. 2.

Câu 105. Thành phần hữu sinh của hệ sinh thái gồm

- A. sinh vật sản xuất, sinh vật tiêu thụ.
 B. sinh vật tiêu thụ bậc 1, sinh vật tiêu thụ bậc 2, sinh vật phân giải.
 C. sinh vật sản xuất, sinh vật tiêu thụ và sinh vật phân giải.
 D. sinh vật sản xuất, sinh vật phân giải.

Câu 106. Xét quần thể các loài:

1 - Cá trích.

2 - Cá mập.

3 - Tép.

4 - Tôm bạc.

Kích thước quần thể của các loài theo thứ tự lớn dần là

- A. (2), (1), (4) và (3).
 B. (1), (2), (3) và (4).
 C. (3), (2), (1) và (4).
 D. (2), (3), (4) và (1).

Câu 107. Nhận định nào sau đây là đúng khi nói về sự biến động số lượng cá thể trong quần thể?

- A. Nhân tố sinh thái hữu sinh là nhân tố không phụ thuộc vào mật độ quần thể.
 B. Khí hậu là nhân tố vô sinh ảnh hưởng ít nhất lên quần thể.
 C. Biến động không theo chu kỳ do các nhân tố môi trường biến động có tính chu kỳ.
 D. Ở chim, sự cạnh tranh nơi làm tổ ảnh hưởng đến khả năng sinh sản.

Câu 108. Hệ sinh thái tự nhiên khác hệ sinh thái nhân tạo ở

- A. thành phần cấu trúc, chu trình dinh dưỡng, chuyển hóa năng lượng.
 B. thành phần cấu trúc, chu trình dinh dưỡng.
 C. chu trình dinh dưỡng, chuyển hóa năng lượng.
 D. thành phần cấu trúc, chuyển hóa năng lượng.

Câu 109. Ý nghĩa của sự phân tầng trong quần xã là

- A. làm tiết kiệm diện tích, do các loài có nhu cầu nhiệt độ khác nhau.

- B. giúp các loài thích nghi với các điều kiện sống khác nhau.
- C. làm giảm sự cạnh tranh nguồn sống giữa các loài, nâng cao hiệu quả sử dụng nguồn sống.
- D. làm tăng khả năng sử dụng nguồn sống, do các loài có nhu cầu ánh sáng khác nhau.

Câu 110. Một trong những xu hướng biến đổi trong quá trình diễn thê nguyên sinh trên cạn là:

- A. Sinh khối ngày càng giảm.
- B. Tính ổn định của quần xã ngày càng giảm.
- C. Độ đa dạng của quần xã ngày càng giảm, lưới thức ăn ngày càng đơn giản.
- D. Độ đa dạng của quần xã ngày càng cao, lưới thức ăn ngày càng phức tạp.

Câu 111. Một quần thể có kích thước giảm dưới mức tối thiểu dễ đi vào trạng thái suy vong vì

- A. số lượng cá thể ít làm giảm tiềm năng sinh học của quần thể, quần thể không thể phục hồi.
- B. số lượng cá thể quá ít dẫn đến nguy cơ xuất cư sang khu vực khác của một bộ phận cá thể làm quần thể tan rã.
- C. kích thước quần thể nhỏ dẫn đến suy giảm di nhập gen, làm giảm sự đa dạng di truyền.
- D. kích thước quần thể nhỏ dễ chịu tác động của các yếu tố ngoại nhiên, dẫn đến biến động di truyền, tăng giao phối cận huyết, làm nghèo vốn gen.

Câu 112. Trong các mối quan hệ sau, có bao nhiêu mối quan hệ đem lại lợi ích cho cả hai loài?

- I. Cây phong lan sống bám trên thân cây gỗ.
 - II. Chim sáo mỏ đỏ bắt chay rận trên lưng trâu.
 - III. Vị khuẩn cố định đạm trong rễ cây họ Đậu.
 - IV. Hổ ăn thịt linh dương.
- A. 2.
 - B. 3.
 - C. 1.
 - D. 4.

Câu 113. Khẳng định nào sau đây đúng khi nói về diễn thê?

- A. Diễn thê nguyên sinh bắt đầu sau khi một quần xã bị phá hủy hoàn toàn bởi thiên tai hoặc con người.
- B. Hoạt động của con người luôn gây hại cho quá trình diễn thê sinh thái của các quần xã tự nhiên.
- C. Trong những điều kiện nhất định, diễn thê thứ sinh có thể tạo ra một quần xã ổn định.
- D. Động lực chủ yếu của quá trình diễn thê là sự thay đổi của môi trường.

Câu 114. Hiện tượng khống chế sinh học có thể xảy ra giữa các quần thể

- A. chim sâu và sâu đo.
- B. éch đồng và chim sẻ.
- C. cá rô phi và cá chép.
- D. tôm và tép.

Câu 115. Nhân tố hữu sinh gây biến động số lượng cá thể của quần thể là

- A. sự cạnh tranh giữa các cá thể trong đàn.
- B. nhiệt độ xuống quá thấp.
- C. lũ lụt.
- D. khí hậu.

Câu 116. Kích thước của quần thể KHÔNG phụ thuộc vào

- A. sức sinh sản.
- B. tỉ lệ đực/cái.
- C. mức độ tử vong.
- D. cá thể nhập cư và xuất cư.

Câu 117. Một quần thể cây đỗ quyên ở vùng núi Tam Đảo có khoảng 150 cây. Đây là ví dụ về đặc trưng nào của quần thể?

- A. Tỉ lệ giới tính.
- B. Cấu trúc tuổi.
- C. Phân bố cá thể của quần thể.
- D. Kích thước của quần thể.

Câu 118. Hệ sinh thái nào sau đây có đặc điểm: Năng lượng mặt trời là nguồn sơ cấp, số loài hạn chế và thường xuyên được bổ sung vật chất?

- A. Rừng mưa nhiệt đới.
- B. Hệ sinh thái nông nghiệp.
- C. Hệ sinh thái biển.
- D. Dòng sông đoạn hạ lưu.

Câu 119. Mối quan hệ có ý nghĩa quan trọng nhất đối với sự hình thành chuỗi thức ăn và lưới thức ăn trong hệ sinh thái là

- A. quan hệ vật ăn thịt – con mồi.
- B. quan hệ đối kháng.
- C. quan hệ hợp tác.
- D. quan hệ cạnh tranh.

Câu 120. Sự biến động số lượng cá thể luôn dẫn tới sự thay đổi về

- A. kích thước của môi trường sống.
- B. Ổ sinh thái của loài.
- C. kích thước quần thể.
- D. giới hạn sinh thái của các cá thể trong quần thể.

----- HẾT -----

ĐK